



zì bǎo

自保

verb-object phrase · self-preservation

Example Sentences

zài wēi xiǎn zhōng tā shǒu xiān xiǎng dào zì bǎo
在危险中，他首先想到自保。

In danger, he first thought of
self-preservation.

dòng wù yǒu zì bǎo de běn néng huì duǒ bì tiān dí
动物有自保的本能，会躲避天敌。

Animals have a self-preservation instinct and
will avoid predators.

Trace each character, then write the word on your own.

自	自	自	自	自	自	自	自	自		
保	保	保	保	保	保	保	保	保	保	保
保										